TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày: 19/10/2018
V/v: Tranh chấp h/đ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ– THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu H.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Nguyễn Thị G.**
2. **Ông Nguyễn Tuấn A.**

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Thịnh Quang T** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ - Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ - Thành phố H *tham gia phiên toà:* **Bà Nguyễn Thị Thúy N** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-DSST ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018. Giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: **Chị Lý Thị Đ*** – Sinh năm 1975.
HKTT: xã N, huyện P, Thành phố C.
Nơi ở: Số nhà a tổ b thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố H.
Có mặt tại phiên tòa.

*2. Bị đơn: **Anh Phạm Văn T*** – Sinh năm 1971.
HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2018, bản tự khai ngày 20/3/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017, chị Lý Thị Đ - nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, anh Phạm Văn T có nhờ chị vay hộ khoản tiền 80.000.000 đồng, chị đã vay của bà Trần Thị H số tiền trên và đưa cho

anh T vay làm hai lần. Lần 1: Ngày 10/3/2017 đưa 35.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 20/4/2017 đưa 45.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Cả hai lần đưa tiền đều không viết giấy tờ gì và cũng không thỏa thuận về lãi suất, chỉ thỏa thuận miệng với nhau là vay trong thời hạn 02 tháng sẽ trả. Đến hạn anh T không trả tiền cho chị, chị đã nhiều lần tìm gặp anh T, anh T đều hứa hẹn nhưng vẫn không trả.

Đến ngày 07/10/2017 chị đến nhà anh T tại xóm B, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H thì gặp anh T ở nhà và chị đã yêu cầu anh T ký vào Giấy thiếu nợ của chị số tiền là 80.000.000 đồng, chị không yêu cầu trả tiền lãi. Anh T đã ký tên vào Giấy thiếu nợ và hẹn chị 02 tháng sau sẽ trả tiền cho chị. Việc viết và ký Giấy thiếu nợ được viết ngay tại nhà anh T vào ngày 07/10/2017. Thực tế thời gian sau đó chị vẫn đến nhà anh T tại địa chỉ trên và vẫn gặp anh T cùng vợ con anh T tại nhà đó, việc anh T và vợ đã ly hôn hay chưa chị không biết.

Bà Trần Thị H là người đã cho chị vay khoản tiền trên để cho anh T vay, số tiền nợ của bà H chị đã trả dần cho bà H, hiện nay chỉ còn nợ khoảng 19.000.000 đồng nữa. Hiện nay chồng bà H đang bị bệnh nên cả hai vợ chồng bà H phải vào sống tại tỉnh C để chữa bệnh, do vậy nên bà H không thể đến Tòa án để làm chứng cho chị được. Bà Trần Thị Đ chỉ là người biết sự việc chị vay tiền của bà H. Hiện nay bà Đ đã sang Mỹ sống cùng con nên cũng không thể đến Tòa án làm chứng cho chị được.

Chị đã rất nhiều lần đến nói chuyện với anh T nhưng anh T vẫn cố tình trốn tránh không trả nợ cho chị, do vậy chị đề nghị Tòa án buộc anh T phải thanh toán trả cho chị số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

+ ***Bị đơn – anh Phạm Văn T:*** Hiện vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại xóm B, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H, tuy nhiên anh T thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về và không thông báo tạm vắng với cơ quan Công an. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Văn T, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy không có lời khai của anh T.

Tại phiên tòa:

+ Chị Lý Thị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Đ xác nhận khoảng tháng 5/2018 anh T có gọi điện thoại cho chị và nói sẽ trả chị 10.000.000 đồng, sau đó có một người bạn của anh T (chị không quen biết) đến đưa trả cho chị 10.000.000 đồng, chị đã nhận tiền và không viết giấy tờ gì. Nay chị Đ xác định anh Phạm Văn T còn nợ chị số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, chị đề nghị anh T phải trả ngay cho chị khoản tiền nợ trên, chị không yêu cầu về lãi suất.

+ Anh Phạm Văn T thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-DSST ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại phiên tòa anh T vẫn vắng

mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của Pháp luật.

+ Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ– Thành phố H tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tiến hành thụ lý vụ án, phân công Thẩm phán và Thư ký, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Về thủ tục chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo qui định của pháp luật.

Thực hiện đúng qui định về việc cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng.

Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng qui định.

Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa, việc chị Lý Thị Đ khởi kiện đối với anh Phạm Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Đ. Tại phiên tòa chị Đ xác nhận anh T đã trả chị 10.000.000 đồng, vì vậy buộc anh Phạm Văn T phải thanh toán cho chị Lý Thị Đ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, chị Đ tự nguyện không yêu cầu về lãi suất, nên không xét.

Anh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Phạm Văn T vay số tiền 80.000.000 đồng của chị Lý Thị Đ, được thể hiện tại Giấy thiếu nợ viết tay đề ngày 07/10/2017, hai bên

cùng ký và ghi rõ họ tên. Như vậy việc vay tiền của anh T với chị Đ được coi là hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

[2] Về tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định nơi cư trú của anh Phạm Văn T tại xóm B, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố H. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ– Thành phố H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ theo Giấy thiếu nợ ngày 07/10/2017 do chị Đ cung cấp xác định thời gian anh T vay tiền là ngày 07/10/2017, ngày 09/01/2018 chị Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H. Căn cứ theo điều 429 Bộ luật dân sự thì vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.3] Về tư cách người tham gia tố tụng: Chị Lý Thị Đ là người khởi kiện, căn cứ theo khoản 2 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là nguyên đơn. Anh Phạm Văn T là người bị kiện, căn cứ theo khoản 3 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là bị đơn.

[2.4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-DSST ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 cho anh Phạm Văn T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Toà án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về Giấy thiếu nợ đề ngày 07/10/2017: Thực tế việc chị Đ cho anh T vay tiền hai lần, lần thứ nhất là ngày 10/3/2017 vay 35.000.000 đồng, lần thứ hai là ngày 20/4/2017 vay 45.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, tuy nhiên cả hai lần vay tiền này đều không viết giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau là sau 02 tháng sẽ trả tiền. Sau khi đến hạn trả tiền anh T không trả, chị Đ đã nhiều lần đi tìm anh T đòi tiền, đến ngày 07/10/2017 chị Đ tiếp tục gặp anh T đòi tiền, nhưng anh T vẫn không trả và hứa sau 02 tháng sẽ thanh toán trả, vì vậy nên chị Đ đã yêu cầu anh T ký vào Giấy thiếu nợ và cả hai bên cùng ký vào giấy thiếu nợ này, với số tiền là 80.000.000 đồng, nội dung hai bên không thỏa thuận về lãi suất vay, không thỏa thuận về thời hạn trả, tuy nhiên có thỏa thuận bằng miệng thời hạn vay là 02 tháng, anh T cũng không ý kiến gì khác. Căn cứ theo qui định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi đúng theo qui định của pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Đ: Quá trình giao dịch vay tiền, anh T có thỏa thuận miệng với chị Đ sau 02 tháng sẽ trả, khi đến hạn trả tiền chị Đ đã nhiều lần tìm gặp anh T yêu cầu trả nợ, anh T không trả, như vậy anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự và hiện nay anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại xóm B – thôn Đ – xã Đ– huyện Đ– Thành phố H,

nhưng anh T thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ trên và cũng không thông báo cho Công an xã cũng như chị Đ biết về nơi cư trú hiện nay. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ xác nhận anh T đã trả chị 10.000.000 đồng. Do vậy chị Đ khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền nợ gốc đã vay 70.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Việc chị Đ không yêu cầu về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu lãi suất của chị Đ.

[3.3] Theo cung cấp của Công an xã Đ thì anh Phạm Văn T là công dân địa phương, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B – thôn Đ– xã Đ– huyện Đ – Thành phố H, thực tế hiện nay anh T có sống tại địa phương hay không địa phương cũng không nắm được vì anh T không khai báo tạm vắng đối với cơ quan Công an xã.

[3.4] Theo cung cấp của anh Phạm Văn T là anh trai anh T cho biết anh T không thường xuyên ở nhà mà đi về liên tục, anh T vẫn sinh sống cùng vợ con tại nhà đất ở xóm B – thôn Đ – xã Đ– huyện Đ– Thành phố H.

[3.5] Theo cung cấp của chị Lương Thị Minh T là vợ anh T cho biết hiện nay thường xuyên sinh sống tại nhà đất ở xóm B – thôn Đ– xã Đ– huyện Đ – Thành phố H chỉ có chị, vợ chồng con trai chị là Phạm Ngọc Tvà Đông Thị Phương T, các con của anh T chị T, cùng con trai chị là Phạm Chí T. Chị và anh T đã ly hôn từ năm 2014-2015, anh T hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại đây nhưng thực tế từ khi ly hôn anh T đã không sống trên nhà đất này nữa. Hiện nay anh T ở đâu, làm gì chị không nắm được. Về việc vay nợ giữa chị Đ và anh T chị không được biết và chị cho rằng chữ viết và chữ ký Phạm Văn T trên Giấy thiếu nợ ngày 07/10/2017 không phải là chữ viết, chữ ký của anh T vì anh T không biết chữ, chỉ viết được tên mình kiểu đơn giản chứ không thể ký như chữ ký trên Giấy thiếu nợ đó được.

[3.6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên xác định anh Phạm Văn T vẫn có hộ khẩu thường trú tại xóm B – thôn Đ– xã Đ– huyện Đ – Thành phố H, nhưng anh T thường xuyên vắng nhà, Tòa án không thể thực hiện việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh T. Căn cứ theo qui định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng qui định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T không có mặt và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì, nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh T, cũng như không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Lý Thị Đ cung cấp và những tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[3.7] Đối với việc chị Lương Thị Minh T cho rằng anh T không biết chữ nên chữ viết và chữ ký của anh T tại Giấy thiếu nợ đề ngày 07/10/2017 là không phải chữ viết và chữ ký của anh T, chị T không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc này. Qua tài liệu thu thập được tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tháng 5/2013 anh Phạm Văn T có nộp đơn xin ly hôn với chị Lương Thị Minh T tại Tòa án nhân dân huyện Đ, qua quá trình giải quyết vụ án đến ngày 23/7/2013 anh

T có đơn xin rút yêu cầu xin ly hôn với chị T và Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 43/2013/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2013. Ngày 22/5/2014 anh T lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với chị T, ngày 25/7/2014 Tòa án nhân dân huyện Đ đã đưa vụ án ra xét xử theo bản án số 21/2014/HNGĐ-ST. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình trên thể hiện quá trình giải quyết vụ án anh T có viết và ký đơn xin ly hôn, viết bản tự khai, viết và ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Lời khai trên của chị T không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 70.000.000đ x 5% = 3.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự.
- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của chị Lý Thị Đ đối với anh Phạm Văn T.

2- Xác nhận số tiền nợ gốc anh Phạm Văn T còn nợ chị Lý Thị Đ là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

3- Buộc anh Phạm Văn T phải thanh toán cho chị Lý Thị Đ số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

4- Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu về lãi suất của chị Lý Thị Đ đối với anh Phạm Văn T.

5- Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lý Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 001241 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ– Thành phố H.

6- Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán, thì bên phải thi hành án phải

tiếp tục chịu lãi suất đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7- Chị Lý Thị Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn T vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.H;
- THA Q.H;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu H